

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 445/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991; Địa chỉ: 95 đường N, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1990; Địa chỉ: 95 đường N, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định vào ngày 14/01/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/5/2010, Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 14/3/2017 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày 04/3/2019. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi cháu Khôi, giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Thiện và Khoa.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định vào ngày 14/01/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau làm ăn nuôi con.

Về con chung: Anh và chị N có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/5/2010, Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 14/3/2017 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày 04/3/2019. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Khôi cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý trực tiếp nuôi cháu Thiện và Khoa.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: 95 đường N, Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh T có phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn với chị N. Anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh T không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh T không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Thanh T.

[3] Về việc nuôi con: Chị N và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/5/2010, Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 14/3/2017 và Nguyễn Đăng K2, sinh ngày 04/3/2019. Xét chị N và anh T đang trong độ tuổi lao động, có nghề ổn định, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con. Cháu K2 hiện đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị N. Các cháu T1 và K1 có nguyện vọng được sống với anh T. Mặt khác anh T cũng đồng ý trực tiếp nuôi cháu T1 và K1, giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu K2. Do đó, giao cho chị N trực tiếp nuôi con là Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 04/3/2019 cho đến khi cháu Khôi đủ 18 tuổi và tự lập được; Giao cho anh T trực tiếp nuôi con là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/5/2010, Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 14/3/2017 cho đến khi cháu T1 và K1 đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Đăng K2, sinh ngày 04/3/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/5/2010 và Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 14/3/2017 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001962 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (29/8/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (GCNKH số 09, ngày 14/01/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Loan Phương

